

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09-12-2021

V/v: *Không công nhận vợ chồng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu;

2/ Ông Đinh Khắc Quỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Thanh H**, sinh năm 1980.

Trú tại: Số nhà 34/1^A, ấp Trường Phước, xã Trường Tây, thị xã H, tỉnh Tây

Bị đơn: Anh **Trần Văn B**, sinh năm 1974.

Trú tại: Số nhà 34/1^A, ấp Trường Phước, xã Trường Tây, thị xã H, tỉnh T

Chị H và anh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 11 năm 2021 và lời khai của chị Huỳnh Thị Thanh H thể hiện như sau:

Chị Huỳnh Thị Thanh H và anh Trần Văn B tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1997 có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị sống chung hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do dịch bệnh nên ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, do đó anh chị thường xuyên xảy ra bất hòa. Anh chị đã không còn sống từ tháng 5/2021 đến nay. Xét thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Anh chị chung sống có 01 con chung tên Trần Thúy Oanh, sinh năm 1998. Cháu Oanh đã trưởng thành nên chị H không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất như lời trình bày của chị H. Anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu về vấn đề tiền bạc nên cuộc sống của anh chị thường xuyên xảy ra bất hòa và không còn hạnh phúc. Anh chị đã không còn sống chung từ tháng 5/2021 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên anh B cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị chung sống có 01 con chung tên Trần Thúy Oanh, sinh năm 1998. Cháu Oanh đã trưởng thành nên anh B không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H và anh B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị H và anh B là vợ chồng; Con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận anh chị không yêu cầu giải quyết; Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H và anh B là nguyên đơn và bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh B.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh B chung sống từ năm 1997 không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, việc chung sống của anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Con chung của anh chị đã trưởng thành có khả năng tự lao động sinh sống được nên anh chị không yêu cầu giải quyết là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị H và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố không công nhận chị Huỳnh Thị Thanh H và anh Trần Văn B là vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thúy Oanh, sinh năm 1998. Cháu Oanh đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị H và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0020367 ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh T, chị H đã nộp xong án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh T để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND thị xã H;
- Chi cục THA DS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP.